

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 509/2022/HC-PT

Ngày: 27/10/2022

*V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong việc bồi thường, hỗ trợ giải
phóng mặt bằng khi thu hồi đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Bà Lê Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 183/2021/TLPT-HC ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất”. Do có kháng cáo của người bị kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2020/HC-ST ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9878/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự sau:

1. Người khởi kiện: Anh Hoàng Công A, sinh năm 1987, Địa chỉ: Thôn 6, xã GB, huyện VB, thành phố Hải Phòng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Đức A1; địa chỉ: Số 783 Đại lộ TĐT, phường SD, quận HB, thành phố Hải Phòng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Vũ Thị Mai A2 - Luật sư của Công ty TNHH S, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, (có mặt).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ: Đường 20-8, thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức A3 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị A4, chị Hoàng Thị Bích A5, anh Hoàng Công A6; địa chỉ: Thôn 6, xã GB, huyện VB, thành phố Hải Phòng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị A4: anh Hoàng Công A, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn 6, xã GB, huyện VB, thành phố Hải Phòng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Người khởi kiện trình bày:

Nguồn gốc đất gia đình anh Hoàng Công A là do bà Phạm Thị A4 (mẹ anh) mua của bà Phạm Thị A7 và của ông Lương Văn A8 giao lại cho anh quản lý, sử dụng. Ngày 02/11/2016, gia đình anh được thông báo nội dung văn bản Thông báo số 51/TB-TN&MT ngày 14/10/2016 của UBND huyện VB và Dự thảo phương án BTHT khi thu hồi đất thực hiện dự án mở rộng QL10. Theo đó đất ở của các hộ gia đình là đất công, không bồi thường về đất và tài sản trên đất, chỉ hỗ trợ 30% phần giá trị tài sản trên đất. Tất cả các lô đất gia đình anh mua đều có chiều sâu từ mép đường quốc lộ 10 đến mương nước phía sau và sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp, đã nộp nghĩa vụ tài chính; năm 2000 Nhà nước thu hồi đất và người dân chỉ được hỗ trợ 10.000 đ/m².

Ngày 29/11/2016, UBND huyện tiếp tục ban hành Quyết định số 3162/QĐ-UBND về việc phê duyệt PABTHT tại xã GB; quyết định này không bồi thường về quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Ngày 16/12/2016, UBND huyện ra Thông báo số 1133/TB-UBND yêu cầu các hộ tháo dỡ, di chuyển tài sản để nhà thầu thi công.

Sau khi anh và các hộ dân khởi kiện ra TAND thành phố Hải Phòng, UBND huyện VB đã ban hành các quyết định bổ sung bồi thường tiền đất cho gia đình là 47 m² theo Công văn 528 trên thực tế là 106,8 m² đã bị thu hồi.

Người khởi kiện đề nghị Tòa án:

1. Hủy bỏ Quyết định thu hồi đất số 3292/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 và Quyết định thu hồi đất số 1673/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND huyện VB và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường liên quan đến việc thu hồi đất 106,8 m² của gia đình anh.

2. Yêu cầu bồi thường phần đất còn lại là 59,8 m² với đơn giá phù hợp thời điểm xét xử. Ngoài ra, ông A đề nghị thực hiện đúng Công văn 528 ngày 07/2/2017 của UBND Hải Phòng, Quyết định 2680 ngày 12/3/2014 của UBND thành phố Hải Phòng và Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ.

3. Buộc UBND huyện VB bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất bằng 10% mức bồi thường khi thu hồi đất ở và 5% giá trị xây mới đối với tài sản trong HLGT.

2. Đại diện người bị kiện thống nhất với lời khai của người khởi kiện về nguồn gốc thửa đất, diện tích đất thu hồi năm 2016, 2017, đồng thời trình bày thêm:

Thửa đất số 931 có nguồn gốc do UBND xã GB giao trái thẩm quyền năm 1995 cho ông Lương Văn A9, có chiều ngang thửa đất là 30m, số tiền phải nộp là 41.050.000đ (tương ứng 8.210.000đ/lô 6m ngang, diện tích 200m²). Ngày 07/7/1998, UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 03 người: Cấp cho ông Lương Văn A10 (con trai ông A9) thửa đất số 931b, tờ bản đồ số 06; cấp cho bà Phạm Thị A7 (vợ ông A9) thửa đất số 931c, tờ bản đồ số 06; cấp cho ông Lương Văn A9, thửa đất số 931, tờ bản đồ số 06 (đều có chiều ngang thửa đất 10m, diện tích 210,0m², vị trí thửa đất cách tim Quốc lộ 10 là 26,0m).

Năm 2003, ông Lương Văn A10 chuyển nhượng cho bà Phạm Thị A4 và ông Lương Văn A8; ngày 22/5/2003, UBND huyện cấp GCNQSD đất cho hộ bà Phạm Thị A4 tại thửa đất số 931b, tờ bản đồ số 6, diện tích 105,0m², vị trí thửa đất cách tim Quốc lộ 10 là 26,0m; cấp GCNQSD đất cho hộ ông Lương Văn A8 tại thửa đất số 931b, tờ bản đồ số 6, diện tích 105,0m², vị trí thửa đất cách tim Quốc lộ 10 là 26,0m. Sau đó, ông A8 chuyển nhượng lại toàn bộ thửa đất trên cho bà Phạm Thị A4. Hiện trạng, bà A4 sử dụng thửa đất số 931, tờ bản đồ số 06, có chiều ngang thửa đất là 12m, trong đó: Nhận chuyển nhượng của ông A10 có chiều ngang thửa đất 5,0m, nhận chuyển nhượng của ông A8 có chiều ngang là 5,0m và 2,0m gia đình tự sử dụng.

Theo các quyết định thu hồi đất do UBND huyện VB đã phê duyệt, tổng diện tích thu hồi đất từ mép nhựa QL10 hiện trạng năm 2015 đến chỉ giới GPMB năm 2015 là 106,8m².

UBND huyện VB đã ban hành Quyết định số 3292/QĐ-UBND ngày

29/11/2016 thu hồi 67,3m² đất hành lang giao thông theo Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982; diện tích đất này không được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 do nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khoản 2, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013).

Xét thấy, một phần diện tích thu hồi thuộc đất xã giao trái thẩm quyền nằm trong hành lang giao thông có thực hiện nghĩa vụ tài chính. Sau khi xem xét lại, UBND huyện đã phê duyệt điều chỉnh loại đất tại Quyết định số 1673/QĐ-UBND ngày 29/3/2017, thu hồi diện tích 17,4m² và Quyết định số 6013/QĐ-UBND ngày 18/9/2017, thu hồi bổ sung diện tích 39,0m²; trong đó: Diện tích 29,6m² do xã GB giao đất có thu tiền và diện tích 9,4m² đất chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính (chiều ngang là 2,0m). Như vậy, tổng diện tích thu hồi thực hiện Dự án là 56,4m² (trong đó đất xã giao có thu tiền sử dụng đất là 47,0m² và diện tích hộ gia đình sử dụng 9,4m² không có giấy tờ chứng minh đã nộp tiền sử dụng đất) đủ điều kiện được hỗ trợ theo Công văn 528. Như vậy, UBND huyện đã tính toán hỗ trợ bảo đảm đầy đủ quyền lợi cho hộ gia đình. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông A.

3. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2020/HC-ST ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Điều 66, Điều 69 và Điều 204 Luật Đất đai 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Công A về việc yêu cầu hủy bỏ Quyết định thu hồi đất số 3292/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 và Quyết định thu hồi đất số 1673/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND huyện VB; cùng các Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường liên quan đến việc thu hồi 106,8m² đất ông A đang sử dụng tại thửa đất số 931, tờ bản đồ số 6 xã GB.

2. Bác yêu cầu bồi thường phần đất còn lại là 59,8m² với đơn giá theo qui định tại Công văn 528.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, người khởi kiện là ông Hoàng Công A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

4. Tại phiên tòa:

4.1. Người đại diện và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện rút một phần kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận bồi thường phần đất còn lại là 59,8 m² với đơn giá theo qui định tại Công văn 528 vì thửa đất được UBND xã giao sát mép nhựa, không phải đất giao trái thẩm quyền; theo qui định tại khoản 4 Điều 11, khoản 1 Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ thì hộ bà A4 phải được cấp Giấy CNQSD đất theo hiện trạng đến sát mép nhựa (UBND huyện cấp Giấy CNQSD đất và thu hồi đất năm 2000 nhưng không bồi thường là trái pháp luật). Theo qui định tại Điều 11 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ thì kể cả đất giao trái thẩm quyền thì cũng phải được bồi thường toàn bộ diện tích đất đó.

4.2. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham dự phiên tòa có quan điểm như sau:

Việc UBND xã GB giao đất trái thẩm quyền cho ông Lương Văn A9 năm 1995, nhưng đến năm 1998 UBND huyện VB đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lương Văn A10 (con trai ông A9) thửa 931b, tờ bản đồ số 6, bà A7 thửa 931c, ông A9 thửa 931 (đều có chiều ngang thửa đất 10m, diện tích 210m², vị trí thửa đất cách tim QL10 là 26m). Năm 2003 ông A10 chuyển nhượng cho bà Phạm Thị A4 và ông Lương Văn A8. Sau đó ông A8 chuyển nhượng lại toàn bộ thửa đất trên cho bà Phạm Thị A4. Bà A4 nhận chuyển nhượng tổng số 210m² trong diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng hiện tại sau khi thu hồi làm đường bà vẫn còn 370m² nhiều hơn diện tích đất đã nhận chuyển nhượng. Do diện tích đất hiện bà A4, anh A sử dụng sau khi thu hồi vẫn lớn hơn diện tích bà A4 nhận chuyển nhượng đã được cấp GCNQSD đất nên việc UBND huyện VB ban hành các quyết định thu hồi và phương án bồi thường, hỗ trợ có căn cứ, đã đảm bảo quyền lợi của bà A4, anh A. Tại phiên tòa, ông A1 và bà A2 đề nghị xem xét bồi thường phần diện tích đất 54,4m² đất hành lang giao thông thu hồi của hộ anh A là không có cơ sở chấp nhận.

Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2020/HC-ST ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Công A là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là ông Hoàng Công A là có căn cứ, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, bác kháng cáo của người khởi kiện anh Hoàng Công A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các qui định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy như sau:

I. Về thủ tục tố tụng:

[1]. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng thụ lý giải quyết vụ án hành chính số 59/2019/TLST-HC ngày 10 tháng 7 năm 2019 là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Về sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà **Phạm Thị A4**, chị Hoàng Thị Bích A5, anh Hoàng Công A6 nhưng bà **Phạm Thị A4**, chị Hoàng Thị Bích A5, anh Hoàng Công A6 vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ Điều 157; Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2]. Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, UBND huyện VB đã ban hành Quyết định số 1673/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 thu hồi diện tích 17,4m² và Quyết định số 6013/QĐ-UBND ngày 18/9/2017, thu hồi bổ sung diện tích 39,0m² (trong đó: diện tích 29,6m² là diện tích do xã GB giao đất có thu tiền và diện tích 9,4m² đất chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính (chiều ngang là 2,0m)). Theo phương án bồi thường đã được phê duyệt, hộ ông A được hỗ trợ đối với 56,4m² theo Công văn 528/UBND-ĐC2 ngày 07/02/2017 của UBND thành phố Hải Phòng. Gia đình ông A cũng không đồng ý với phương án trên mà yêu cầu phải được hỗ trợ đối với toàn bộ 106,8m² đất bị thu hồi lần này. Do đó, Tòa án sẽ xem xét tính hợp pháp của toàn bộ các quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường có liên quan đến việc thu hồi 106,8m² đất nói trên trong cùng vụ án.

II. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[1]. Theo qui định tại khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai, UBND cấp huyện có thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân. Việc UBND huyện VB ban hành Quyết định thu hồi phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ anh A là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Về trình tự thủ tục ban hành Thông báo thu hồi đất, Quyết định thu hồi đất, kiểm kê tài sản và ban hành các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB, phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ đối, thực hiện lấy ý kiến và niêm yết công khai tại địa phương đều đúng theo qui định tại các Điều 66 và Điều 69 Luật Đất đai 2013 và người khởi kiện cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về các thủ tục trên.

[2] Thửa đất số 931 có nguồn gốc do UBND xã GB giao trái thẩm quyền năm 1995 cho ông Lương Văn A9, có chiều ngang thửa đất là 30m, số tiền phải nộp là 41.050.000đ (tương ứng 8.210.000đ/lô 6m ngang, diện tích 200m²). Ngày

07/7/1998, UBND huyện VB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 03 người: Cấp cho ông Lương Văn A10 (con trai ông A9) thửa đất số 931b, tờ bản đồ số 06; cấp cho bà Phạm Thị A7 (vợ ông A9) thửa đất số 931c, tờ bản đồ số 06; cấp cho ông Lương Văn A9, thửa đất số 931, tờ bản đồ số 06 (đều có chiều ngang thửa đất 10m, diện tích 210,0m², vị trí thửa đất cách tim Quốc lộ 10 là 26,0m). Năm 2003, ông Lương Văn A10 chuyển nhượng cho bà Phạm Thị A4 và ông Lương Văn A8; ngày 22/5/2003, UBND huyện cấp GCNQSD đất cho bà Phạm Thị A4 tại thửa đất số 931b, tờ bản đồ số 6, diện tích 105,0m², vị trí thửa đất cách tim Quốc lộ 10 là 26,0m; cấp GCNQSD đất cho hộ ông Lương Văn A8 tại thửa đất số 931b, tờ bản đồ số 6, diện tích 105,0m², vị trí thửa đất cách tim Quốc lộ 10 là 26,0m. Sau đó, ông A8 chuyển nhượng lại toàn bộ thửa đất trên cho bà Phạm Thị A4. Hiện trạng, bà A4 sử dụng thửa đất số 931, tờ bản đồ số 06, có chiều ngang thửa đất là 12m, trong đó: Nhận chuyển nhượng của ông A10 có chiều ngang thửa đất 5,0m và của ông A8 có chiều ngang là 5,0m, còn 2,0m gia đình tự sử dụng. UBND huyện VB đã thu hồi tổng diện tích thu hồi đất từ mép nhựa QL10 hiện trạng năm 2015 đến chỉ giới GPMB năm 2015 là 106,8m²,

[3]. Người khởi kiện cho rằng, UBND huyện VB đã thu hồi vào phần diện tích đã được UBND xã GB giao từ năm 1995, nên phải được xác định quyền sử dụng đất đến sát mép nhựa. Việc UBND huyện VB trừ hàng lang bảo vệ đường là phù hợp với quy định tại Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng. Luật sư bảo vệ cho người khởi kiện cho rằng UBND huyện không cung cấp được biên bản cấm mốc giới nên việc ghi HLGT trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là trái pháp luật. Tuy nhiên, Nghị định số 203/HĐBT ban hành cách đây đã gần 40 năm; được chính quyền địa phương thực hiện và người dân chấp hành thông qua việc cấp, nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quan điểm của người khởi kiện cho rằng được UBND xã giao đất sát mép nhựa, không trái thẩm quyền, nên theo qui định tại khoản 4 Điều 11, khoản 1 Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ thì phải được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hiện trạng đến sát mép nhựa là không phù hợp qui định của pháp luật, bởi đất nằm trong chỉ giới hành lang giao thông, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Công văn 528/UBND-ĐC2 ngày 07/02/2017 của UBND thành phố Hải Phòng, căn cứ Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; đồng ý hỗ trợ khác cho 28 hộ dân có đất bị thu hồi, nguồn gốc đất được giao trái thẩm quyền từ năm 1993 - 1998 nằm trong hành lang giao thông đã thực hiện nghĩa vụ tài chính; bằng mức giá bồi thường khi thu hồi đất. Mặc dù danh sách người dân được hỗ trợ theo Công văn 528 có 28 người, nhưng UBND huyện VB cũng áp dụng chính sách hỗ trợ tương tự cho các hộ dân khác có đất được giao trái thẩm quyền từ năm 1993-1998 bị thu hồi nhằm là “đảm bảo công

bằng”; phù hợp với qui định tại điểm 2 khoản 1 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

Theo cung cấp của UBND huyện VB, xã GB không lưu giữ được tài liệu, sổ sách quản lý việc giao đất năm 1993 - 1996; các hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giai đoạn này cũng không còn. Khi tiến hành giải phóng mặt bằng, UBND huyện phải căn cứ vào các báo cáo của UBND xã năm 1998 và năm 2017 (trước khi thu hồi đất); cùng kết luận thanh tra của UBND huyện VB đối với xã GB năm 1998. Theo đó, UBND xã GB giao đất cho các hộ gia đình, thu tiền 8.210.000 đồng/ lô (6 m chiều ngang mặt đường); theo bảng giá đất qui định tại Quyết định số 685/QĐ-UB ngày 01/8/1994 của UBND thành phố Hải Phòng là: $40.000 \text{ đồng} \times 200 \text{ m}^2 = 8.000.000 \text{ đồng} + 210.000 \text{ đồng}$ tiền thủ tục giao đất; phù hợp với lời khai của người khởi kiện về số tiền đã nộp. Như vậy, lời khai của phía người bị kiện cho rằng thửa đất số 931 được giao ban đầu 33,3m chiều sâu ($200 \text{ m}^2 : 6 \text{ m}$ ngang) là có cơ sở.

Thửa đất 931 có chiều ngang là 30m (tương đương 5 lô đất được giao cùng thời kỳ), số tiền phải nộp là $8.210.000 \text{ đồng} \times 5 \text{ lô} = 41.050.000 \text{ đồng}$; ngày 07/7/1998, UBND huyện đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên 03 người trong gia đình ông A9. Gia đình ông A9 - A7 nộp 25.000.000 đồng, còn thiếu 16.050.000 đồng, tương đương diện tích 630 m^2 . Như vậy chiều sâu đất là 21m ($630 \text{ m}^2 : 30 \text{ m}$), tính từ mương phía sau lên, phần đất này nếu nhà nước thu hồi vào sẽ được hỗ trợ theo Công văn 528. Đất nhà ông A nằm trong đoạn từ nhà ông A9nh đến nhà ông Hoãn khoảng cách mép bờ mương cũ giao đất phía đông đến mép nhựa QL10 hiện trạng là 37,5m. Như vậy mép nhựa QL10 cách chỉ giới đất đã nộp tiền của gia đình ông A9, A7, A10 là $37,5 \text{ m} - 21 \text{ m} = 16,5 \text{ m}$, đây là khoảng cách đất chưa nộp tiền đất khi được giao nên khi nhà nước thu hồi sẽ không được hỗ trợ theo Công văn 528. UBND huyện VB thu hồi từ mép nhựa vào là 8,9m, vẫn nằm trong khoảng cách 16,5 m người dân chưa nộp tiền đất nói trên nên lẽ ra hộ anh A không được hỗ trợ theo Công văn số 528. Việc UBND huyện VB vẫn hỗ trợ cho hộ anh A số tiền 582.048.000 đồng là không đúng quy định, do đó yêu cầu bồi thường thêm 4,5m chiều sâu đất tính từ mép nhựa vào là không có căn cứ.

[4]. Căn cứ biên bản thẩm định tại chỗ lập ngày 24/12/2019, diện tích đất anh A đang sử dụng sau thu hồi năm 2015-2017 là 370 m^2 ; chiều sâu trung bình tính từ cống hộp ven QL10 đến hết đất là trên 32,3 m (gần bằng chiều sâu đất được giao năm 1998 là 33,3m). Trong đó, phần mốc giới anh A chỉ được giao đất còn cách phần tường bao cuối thửa đất là 6,1 m chiều sâu, nếu tính từ mốc giới này đến mép cống hộp hiện trạng ven đường có số đo trung bình là 26,2 m. Tuy nhiên, mốc giới giao đất mà anh A đã chỉ trên đất đã xây các công trình phụ từ rất lâu và

cũng không có cơ sở xác định đó là mốc giao đất năm 1995. Nếu tính theo diện tích xã GB giao đất thì diện tích là $33.3 \text{ m} \times 10 \text{ m} = 333 \text{ m}^2$. Như vậy, sau 2 lần bị thu hồi đất và được Nhà nước bồi thường, hỗ trợ nhưng anh A vẫn đang sử dụng diện tích đất lớn hơn diện tích được giao ban đầu.

[5]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh Hoàng Công A.

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên anh A phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử:

1. Bác kháng cáo của anh Hoàng Công A giữ nguyên toàn bộ Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2020/HCST ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

2. Án phí: Anh Hoàng Công A phải chịu 300.000đ tiền án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0008624 ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Duy Nhiệm

Lê Thị Mai

Bùi Xuân Trọng

Nơi nhận:

- VKSN cấp cao tại Hà Nội ;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục thi hành án thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Trọng

